CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Kỹ thương

Ngày 31/12/2025	47,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.2%	**0.5%**	**1.1%**

DT thuần
Q4/25
1,133
tỷ VNĐ
QoQ: ▼35.0| -3.0%
YoY: ▲ 501| 79.3%

LN thuần
Q4/25
30.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼57.5| -65.4%
YoY: ▲ 16.3| 114%

LN sau thuế
Q4/25
1.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.19| 259%
YoY: ▲ 1.40| 561%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
321%
YoY: +/-▼ 7.4%

ROE
2025

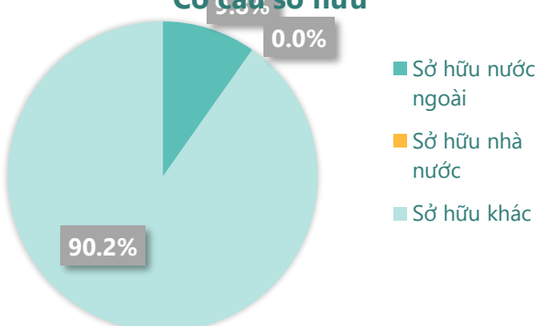
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	42,800 - 48,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	108,631
Số lượng CPLH (CP)	2,311,308,021
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,968,375
Sở hữu nước ngoài	9.8%
Beta	0.51
EPS	2,459
P/E	19.1

DT thuần
2025
3,662
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,213| 49.5%

LN thuần
2025
302
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 139| 85.2%

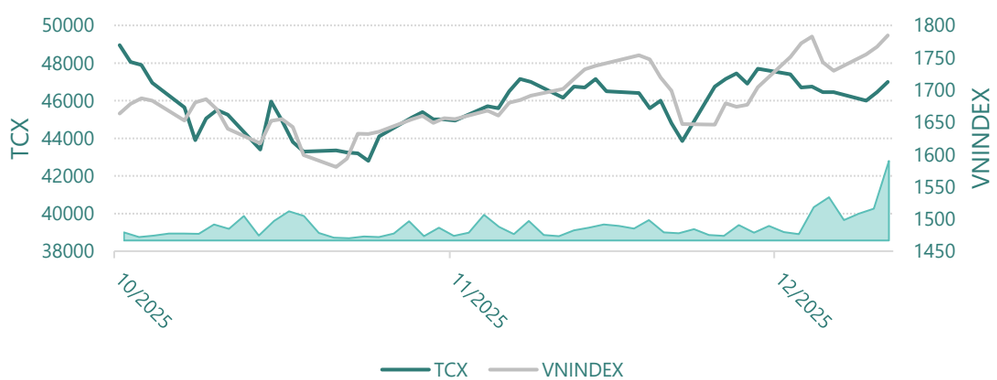
LN sau thuế
2025
3.68
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.43| 1367%

Cơ cấu sở hữu

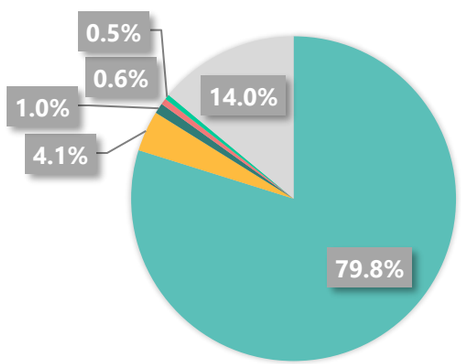


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

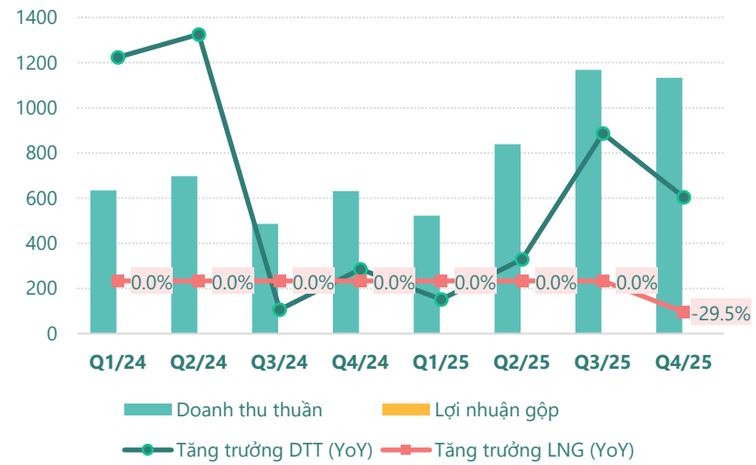


Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Nguyễn Xuân Minh (Chủ tịch HĐQT)
Vietnam Asset Management Ltd
Trần Ngọc Như An
Nguyễn Thị Thu Hiền (Tổng giám đốc)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

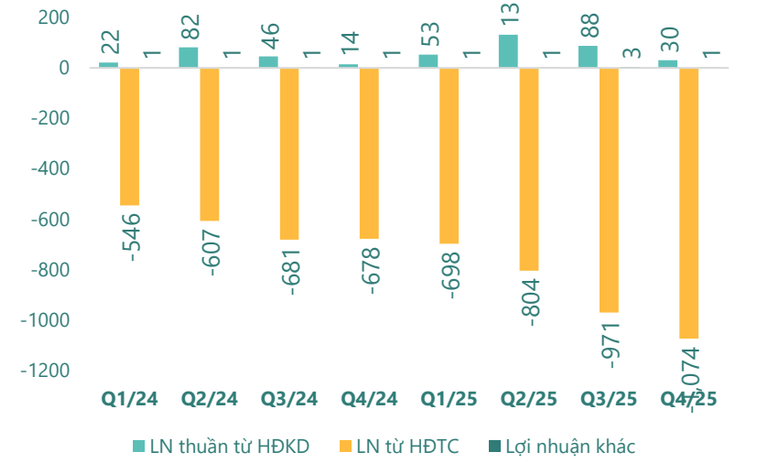
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



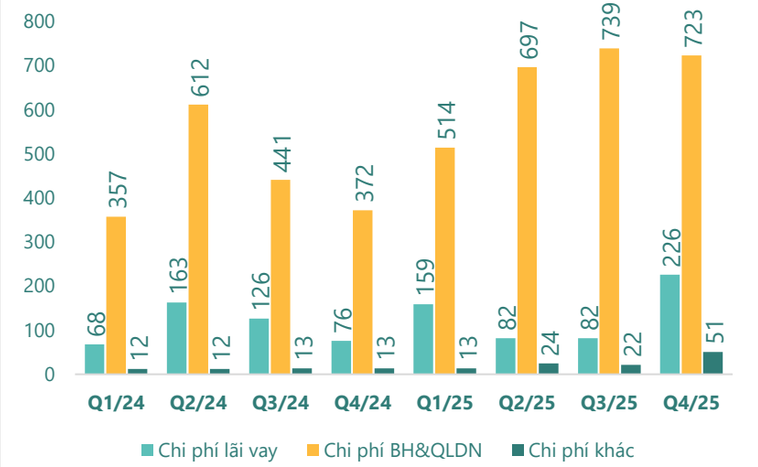
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



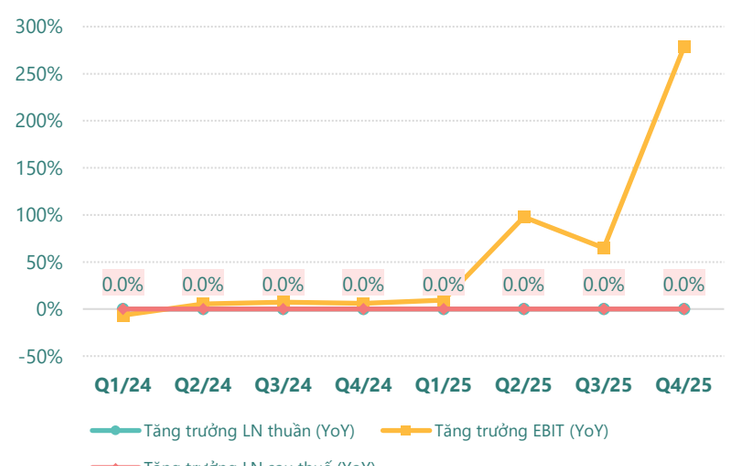
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



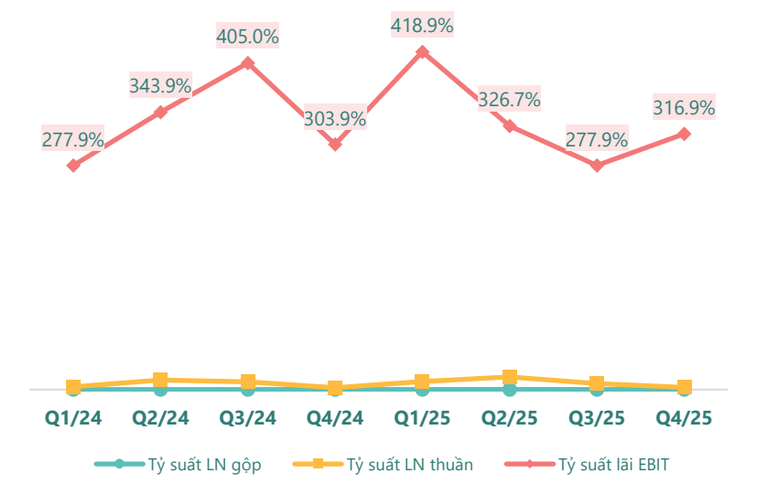
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



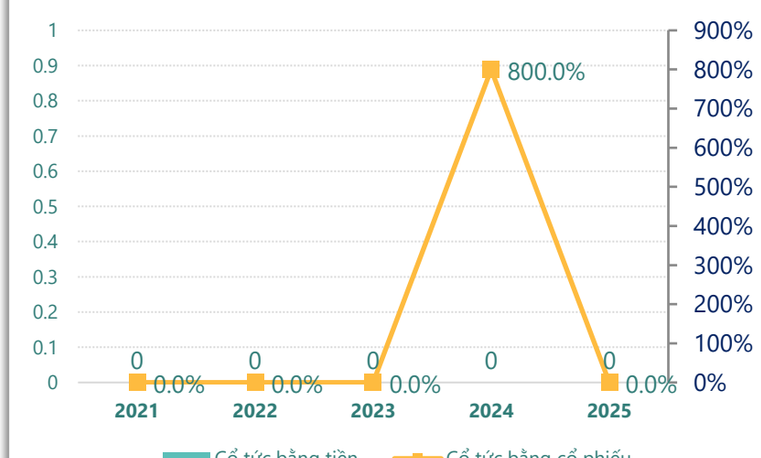
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

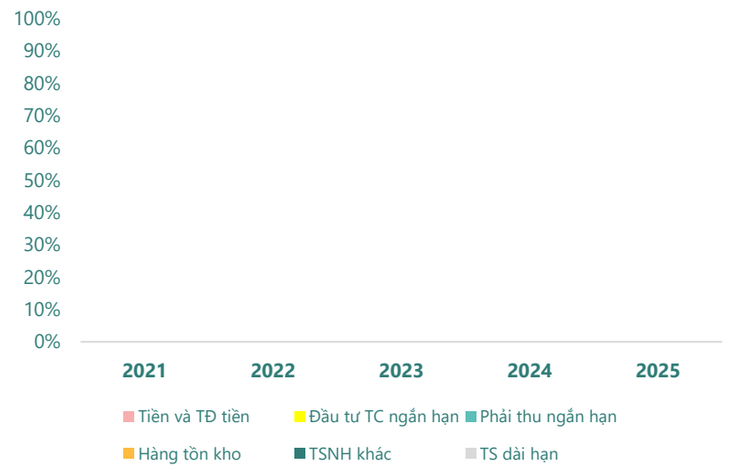
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



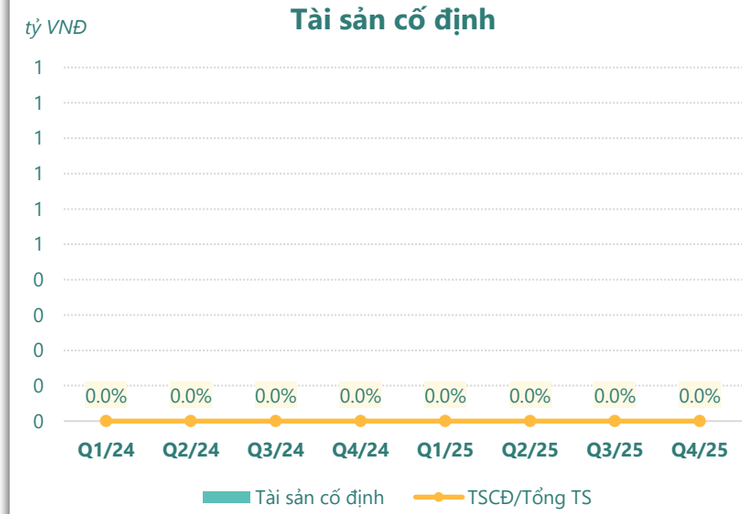
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



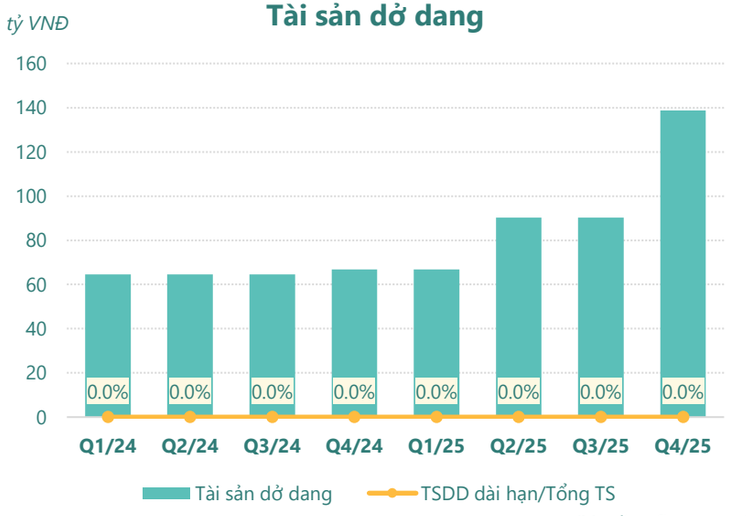
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



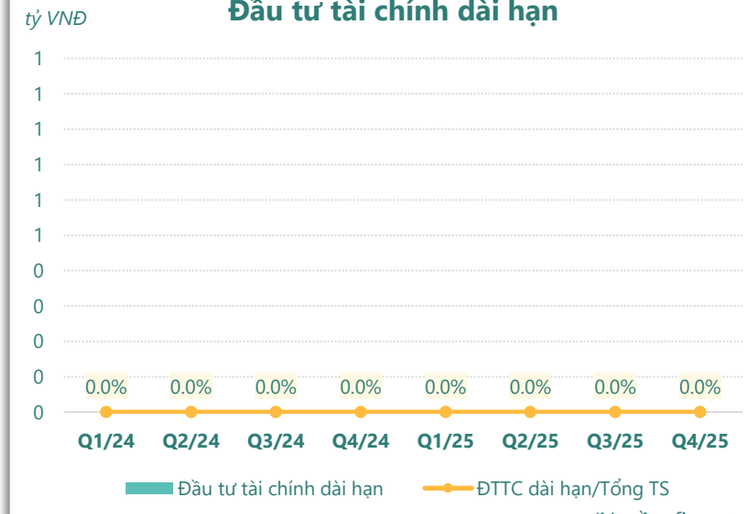
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



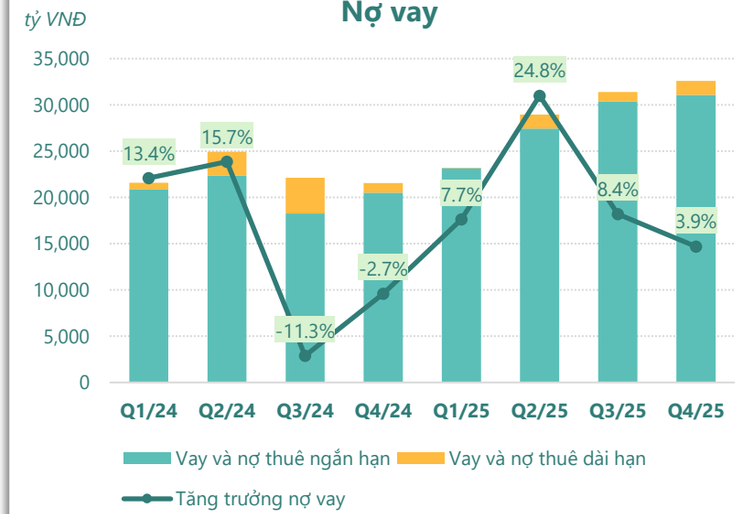
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

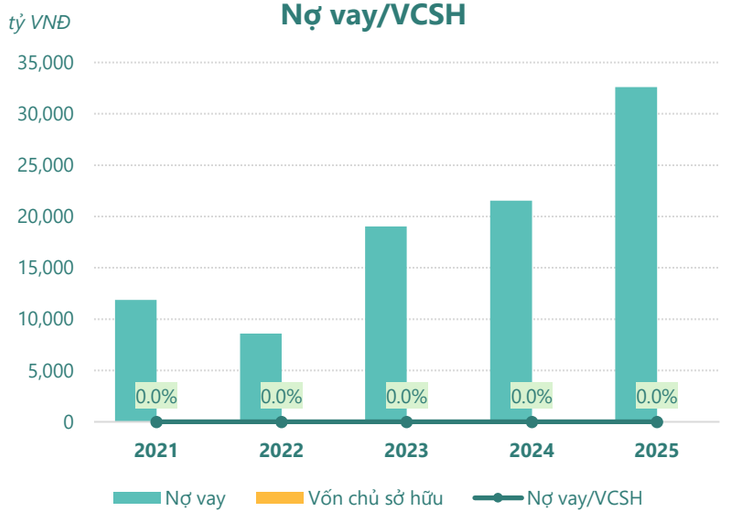
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



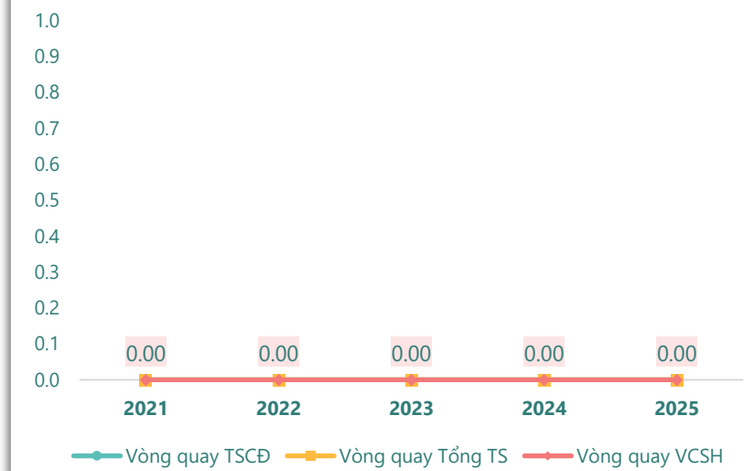
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



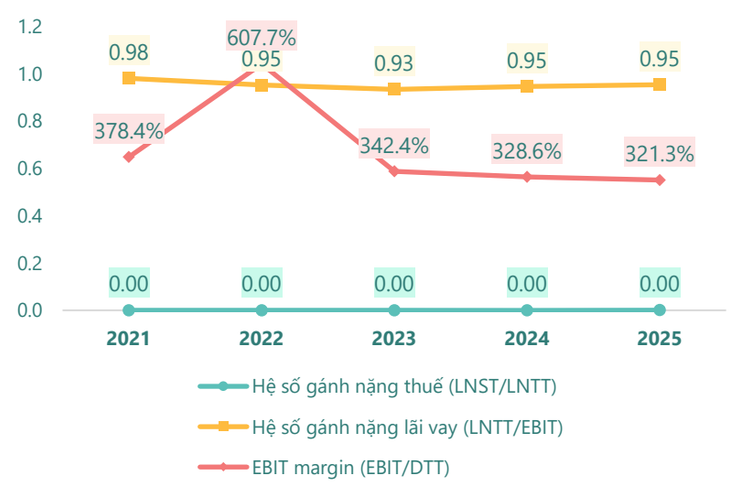
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



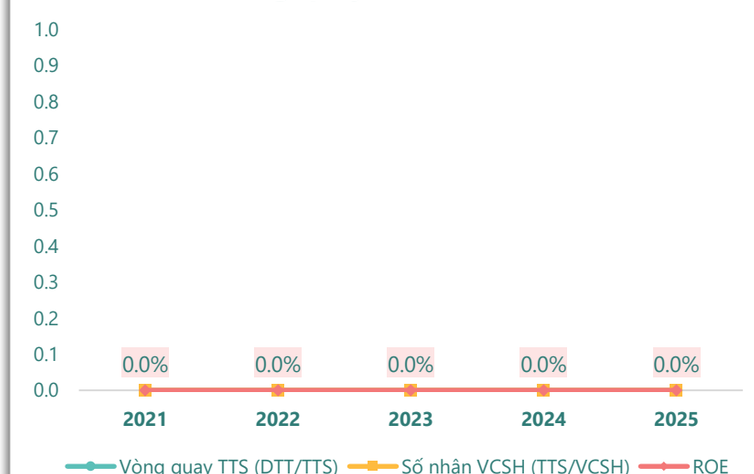
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



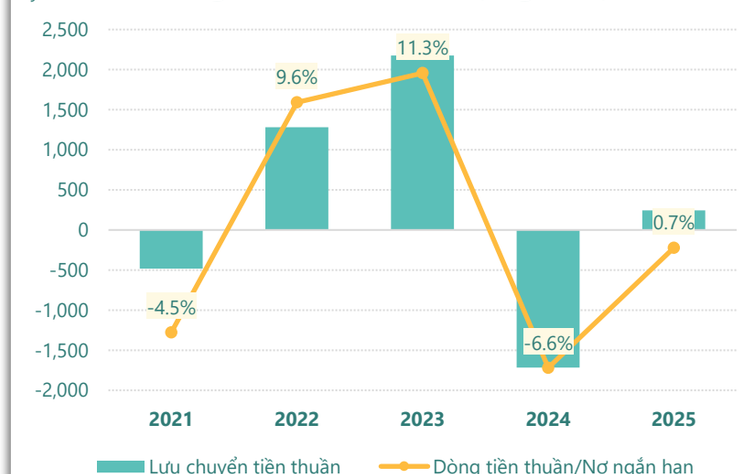
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,133**	**632**	**79.3%**	**3,662**	**2,449**	**49.5%**
Giá vốn hàng bán	0.88	0.68	29.2%	6.91	0.68	911%
Lợi nhuận gộp	0.02	0.03	-41.1%	0.13	0.03	404%
Doanh thu HĐTC	62.4	28.3	121%	180	110	63.2%
Chi phí TC	1,137	706	61.0%	3,728	2,622	42.2%
Chi phí lãi vay	226	75.9	198%	549	433	26.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	285	165	72.9%	958	601	59.4%
Chi phí QLDN	**438**	**207**	**111%**	**1,715**	**1,181**	**45.2%**
LN thuần từ HĐKD	30.5	14.2	114%	302	163	85.2%
Lợi nhuận khác	**1.36**	**1.02**	**33.5%**	**6.60**	**4.19**	**57.8%**
LN trước thuế	3,365	1,843	82.6%	11,217	7,615	47.3%
Lợi nhuận sau thuế	**1.65**	**0.25**	**561%**	**3.68**	**0.25**	**1367%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3,851	-1,858	-3,193	-6,411	-10,648	-312
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.04	-9.48	-12.5	-32.2	-24.1	-225
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3,360	1,467	2,651	7,130	12,966	-1,647
Tiền đầu kỳ	2,775	3,266	2,865	2,310	2,998	5,292
Lưu chuyển tiền thuần	**490**	**-401**	**-555**	**688**	**2,294**	**-2,183**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3,266	2,865	2,310	2,998	5,292	3,108

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**0**	**0**	
Tài sản ngắn hạn	76,613	49,395	55.1%
Tiền và tương đương tiền	76,597	49,342	55.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	25,218	17,671	42.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**13.4**	**52.7**	**-74.6%**
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	139	66.8	108%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**183**	**195**	**-6.1%**
Lợi thế thương mại	10.1	10.0	0.8%
Nợ phải trả	36,533	26,947	35.6%
Nợ ngắn hạn	**35,017**	**25,934**	**35.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31,080	20,523	51.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	1,516	1,013	49.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)